



## QUYỀN LỰC MỀM TRUNG QUỐC: CÁC TRANH LUẬN, NGUỒN LỰC VÀ TRIỂN VỌNG

**Nguồn:** Young Nam Cho & Jong Ho Jeong (2008). "China's Soft Power: Discussions, Resources, and Prospects", *Asian Survey*, Vol. 48, No. 3 (May/June), pp.453-472.

**Biên dịch:** Trần Thị Thục Huyền | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

*Bài viết này phân tích các cuộc tranh luận, nguồn lực cũng như các triển vọng về quyền lực mềm của Trung Quốc, tập trung vào Đồng thuận Bắc Kinh (the Beijing Consensus), chính sách đối ngoại và nền văn minh Trung Quốc. Bài viết cho rằng nhận thức của Trung Quốc về quyền lực mềm và việc ứng dụng quyền lực mềm này vào các chính sách của quốc gia là một yếu tố quan trọng trong việc giải thích sức ảnh hưởng đang gia tăng một cách nhanh chóng của Trung Quốc ở khu vực Châu Á.*

Ảnh hưởng của Trung Quốc ở châu Á đã tăng lên đáng kể trong thập niên qua. Một số học giả đã chỉ ra rằng, bên cạnh sự gia tăng của sức mạnh về kinh tế và quân sự, việc củng cố quyền lực mềm đã trở thành mấu chốt trong việc mở rộng ảnh hưởng trong khu vực của Trung Quốc.<sup>1</sup> Ngoài nền kinh tế đang tăng trưởng nhanh chóng, Trung Quốc, bằng cách quảng bá các giá trị Trung Hoa cùng với việc giới thiệu nền văn hoá của mình đến công chúng, đã trở thành một đối thủ đầy tiềm

<sup>1</sup> David M. Lampton, "China's Rise in Asia Need Not Be at America's Expense," in *Power Shift: China and Asia's New Dynamics*, ed. David Shambaugh (Berkeley: University of California Press, 2005), pp. 317–19; Shambaugh, "Return to the Middle Kingdom? China and Asia in the Early Twenty-First Century," in *ibid.*, p. 25; Robert G. Sutter, *China's Rise in Asia: Promises and Perils* (Lanham: Rowman & Littlefield, 2005), p. 201.

năng cạnh tranh với Hoa Kỳ trong khu vực châu Á. Một số nỗ lực khác bao gồm việc thành lập một kênh truyền hình tiếng Trung phát suốt 24 giờ/ngày và các đài phát thanh nhằm vào khu vực Đông Nam Á, tăng viện trợ cho các quốc gia châu Á, từng bước thu hút các sinh viên quốc tế và khuyến khích việc học tiếng Trung, tham gia tích cực vào các tổ chức đa phương trong khu vực, chẳng hạn như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).<sup>2</sup>

Trong một bài viết đăng trên *Wall Street Journal (Asia)* vào ngày 29 tháng 12 năm 2005, Giáo sư Joseph S. Nye từ Đại học Harvard chỉ ra rằng quyền lực mềm của Trung Quốc đang gia tăng mạnh mẽ ở châu Á, và ông kêu gọi Hoa Kỳ nên có động thái trước sự gia tăng này. Bài viết này cho thấy một sự thay đổi rõ ràng so với quan điểm trước đây của giáo sư Nye về quyền lực mềm của Trung Quốc: trong cuốn "Quyền lực mềm" (tiếng Anh: "Soft Power", 2004), ông chỉ xem quyền lực mềm của Trung Quốc như một sự chuyển biến mới ở thì tương lai. Trong cuốn sách của mình, Nye cho rằng tiềm lực quyền lực mềm của Trung Quốc, mặc dù rất hấp dẫn về mặt văn hoá, nhưng vẫn còn rất hạn chế so với quyền lực mềm của Hoa Kỳ hay Châu Âu do những vấn đề khác của Trung Quốc như thiếu tự do tư tưởng, tham nhũng chính trị hay các vấn đề xung quanh eo biển Đài Loan.

Hiện nay, chúng ta có thể dễ dàng có được những số liệu chứng tỏ việc cải thiện hình ảnh quốc gia rất rõ nét của Trung Quốc trên toàn thế giới. Nhiều kết quả khảo sát cho thấy mức độ yêu mến Trung Quốc đang gia tăng trên toàn cầu. Theo kết quả khảo sát của Pew Research Center vào tháng Sáu năm 2005, hầu hết người dân châu Á trong khu vực được khảo sát (Thổ Nhĩ Kỳ, Pakistan, Indonesia, Libăng, Jordan và Ấn Độ) xem sự nổi dậy của Trung Quốc là một điều tích cực và tin rằng sự tăng trưởng kinh tế của quốc gia này là có lợi cho quốc gia của họ.<sup>3</sup> Cuộc thăm dò gồm 22 quốc gia của *BBC World Service* trong khoảng thời gian từ tháng Mười Một năm 2004 đến tháng Một năm 2005 cũng cho thấy Trung Quốc có được cái nhìn thiện cảm từ hầu hết các quốc gia, bao gồm cả các quốc gia láng giềng của mình. Tỷ lệ người dân châu Á - được hỏi trong cuộc thăm dò - xem ảnh hưởng toàn cầu của Trung Quốc "Chủ yếu là tích cực" gồm: 74% ở Libăng, 70% ở Philippines, 68% ở Indonesia, 66% ở Ấn Độ và 49% ở Hàn Quốc.<sup>4</sup>

---

<sup>2</sup> Bates Gill and Yanzhong Huang, "Sources and Limits of Chinese 'Soft Power'," *Survival* 48:2 (Summer 2006), pp. 18–19, 22; Joshua Kurlantzick, "The Decline of American Soft Power," *Current History* (December 2005), pp. 422–23; Jean A. Garrison, "China's Prudent Cultivation of 'Soft' Power and Implications for U.S. Policy in East Asia," *Asian Affairs: An American Review* 32:1 (2005), pp. 25–30.

<sup>3</sup> Pew Research Center, "American Character Gets Mixed Reviews" (2005), pp. 33–34.

<sup>4</sup> <[http://www.pipa.org/OnlineReports/China/China\\_Mar05/China\\_Mar05\\_rpt.pdf](http://www.pipa.org/OnlineReports/China/China_Mar05/China_Mar05_rpt.pdf)>, truy cập July 25, 2006.

Có nhiều yếu tố góp phần vào việc cải thiện hình ảnh quốc gia của Trung Quốc và sự gia tăng ảnh hưởng của quốc gia này trong khu vực châu Á. Yếu tố quan trọng nhất chính là sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng. Một yếu tố khác, ít rõ ràng hơn, nhưng lại quan trọng tương đương với sức tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc, chính là chính sách khu vực của Trung Quốc. Những nghiên cứu trước đây cho thấy rằng Trung Quốc đã và đang có sự thay đổi về quan điểm của mình đối với khu vực châu Á từ giữa những năm 1990: Trung Quốc xem châu Á như khu vực chiến lược trọng tâm và đã tích cực thi hành những chính sách khu vực đối với châu Á, điều mà Trung Quốc không hề thực hiện trước đây. Chẳng hạn, Trung Quốc đã bắt đầu tuyên truyền nhiều sáng kiến ngoại giao như “cường quốc có trách nhiệm”, “khái niệm an ninh mới”, “sự trỗi dậy và phát triển hoà bình” và “thế giới hoà hợp”, và kèm theo đó là “chính sách láng giềng tốt” để hỗ trợ các sáng kiến này. Những nỗ lực này đã giảm các mối lo ngại đối với Trung Quốc của các quốc gia láng giềng, và giúp đảm bảo cho sự trỗi dậy của Trung Quốc thành một cường quốc khu vực.<sup>5</sup>

Bài viết xin nhấn mạnh rằng nhận thức của Trung Quốc về quyền lực mềm và việc ứng dụng quyền lực này vào các chính sách quốc gia chính là yếu tố quan trọng trong việc giải thích sự cải thiện hình ảnh nhanh chóng và sức ảnh hưởng đang gia tăng của quốc gia này trong khu vực châu Á, cùng với nền kinh tế tăng trưởng thần kỳ và sức mạnh quân sự của Trung Quốc. Ở Trung Quốc, khái niệm quyền lực mềm của Nye giành được một sự quan tâm rất lớn (mà chúng ta sẽ thảo luận ở phần sau của bài viết), ngược với ở Hoa Kỳ, nơi mà giới học giả chính thống đã có những phản ứng hờ hững với vấn đề này. Thêm vào đó, kể từ thời kỳ Hồ Cẩm Đào nắm quyền, những cuộc tranh luận về quyền lực mềm đã trở thành vấn đề chính trong giới học giả cũng như giới truyền thông Trung Quốc. Như vậy, chúng ta cần phải nghiên cứu quyền lực mềm của Trung Quốc để có thể hiểu được sự trỗi dậy của quốc gia này từ vị thế một cường quốc khu vực và những nỗ lực của nó để trở thành một cường quốc toàn cầu.

Để làm được điều này, đầu tiên, bài viết sẽ xem xét các cuộc tranh luận về quyền lực mềm và những nỗ lực để ứng dụng quyền lực này vào chính sách chiến lược quốc gia của Trung Quốc. Thông qua việc phân tích này, chúng ta sẽ có thể hiểu rõ lý thuyết về quyền lực mềm của Nye được đón nhận ở Trung Quốc như thế nào, và những nỗ lực của giới trí thức và giới làm chính sách Trung Quốc trong việc

---

<sup>5</sup> Jianwei Wang, “China’s Multilateral Diplomacy in the New Millennium,” in *China Rising: Power and Motivation in Chinese Foreign Policy*, eds. Yong Deng and Fei-Ling Wang (Lanham: Rowman & Littlefield, 2005), pp. 159–200; Zhang Yunling and Tang Shiping, “China’s Regional Strategy,” in *Power Shift*, ed. Shambaugh, pp. 48–68.

phát triển quyền lực mềm trở thành một chiến lược quốc gia được thực hiện ra sao. Sau đó, chúng ta nghiên cứu về các nguồn lực quyền lực mềm của Trung Quốc, tập trung vào ba mặt cốt lõi: Mô hình phát triển Trung Quốc (tức “Đồng thuận Bắc Kinh, sẽ được nêu chi tiết dưới đây), Chính sách đối ngoại Trung Quốc (tức “sự trỗi dậy và phát triển hoà bình”) và nền văn minh Trung Quốc.

Một vài thảo luận sơ qua về khái niệm quyền lực mềm là cần thiết. Hiện nay, không có một sự nhất trí chung nào về định nghĩa “quyền lực mềm” ở Trung Quốc. Trong tiếng Trung, từ “quyền lực mềm” (tiếng Anh: “soft power”) được dịch khác nhau, tùy vào từng học giả; trong số đó, *ruanshili* (*nhuyễn thực lực*), *ruanquanli* (*nhuyễn quyền lực*), *ruanliliang* (*nhuyễn lực lượng*), và *ruanguoli* (*nhuyễn quốc lực*) được sử dụng thường xuyên nhất. Sử dụng khái niệm về quyền lực mềm của Nye như một khung tham chiếu phổ quát, các học giả Trung Quốc đã biến đổi một ít so với định nghĩa ban đầu của quyền lực mềm do nhu cầu phát sinh. Theo Nye, quyền lực mà một quốc gia thực thi có thể chia thành hai loại: quyền lực cứng – chủ yếu bao gồm sức mạnh quân sự và kinh tế, và quyền lực mềm – tức “khả năng mong muốn đạt được điều mà quốc gia đó mong muốn nhờ sức lôi cuốn chứ không phải dựa vào sự ép buộc hay mua chuộc”. Quyền lực mềm cũng chủ yếu dựa trên ba nguồn lực chính sau: văn hoá, các giá trị và tư tưởng chính trị, chính sách đối ngoại. Quyền lực mềm ngày càng trở thành một phạm vi quyền lực quan trọng với sự ra đời của cuộc cách mạng thông tin và quá trình toàn cầu hoá nền kinh tế. Quyền lực cứng và quyền lực mềm liên quan chặt chẽ đến nhau trong nhiều trường hợp, và do đó, việc phân biệt hai loại quyền lực này là rất khó trong quá trình thực tế của việc thực thi quyền lực.<sup>6</sup>

## Các tranh luận về quyền lực mềm ở Trung Quốc

Một nhà nghiên cứu Trung Quốc cho rằng sự quan tâm đến quyền lực mềm đã tăng lên một cách đáng kể trong giới học giả ở Trung Quốc từ những năm 1990. Ông cũng lập luận rằng sự quan tâm và việc nghiên cứu lĩnh vực này của Trung Quốc đã vượt qua mọi quốc gia trên thế giới, kể cả Hoa Kỳ.<sup>7</sup> Ví dụ, ngay sau lần xuất bản đầu tiên tại Trung Quốc vào năm 1992 của cuốn “*Bound to Lead*” (1990; tạm dịch: *Quyết tâm để dẫn đầu*) được viết bởi Joseph Nye, Wang Huning – trưởng ban cố vấn của chủ tịch Giang Trạch Dân – đồng thời cũng là cựu giáo sư đại học Phúc

<sup>6</sup> Joseph S. Nye, Jr., *Soft Power: The Means to Success in World Politics* (New York: Public Affairs, 2004), pp. x, 7, 18–19, 30–32.

<sup>7</sup> Liu Debin, “Ruanshilishuode Youlai yu Fazhan” [The origin and the development of soft power], *Jilindaxue Shehuikexue Xuebao* [Jilin University Journal of Social Science] 4 (2004), p. 55.

Đán ở Thượng Hải, đã có một bài viết trên *Fudan University Journal* (1993), nhấn mạnh vào sự cần thiết của Trung Quốc trong việc củng cố quyền lực mềm.<sup>8</sup> Năm 1997, Pang Zhongyin, một giáo sư Đại học Nam Khai đã đăng một bài viết trên tạp chí *Chiến lược và Quản lý* để giới thiệu về lý thuyết quyền lực mềm của Nye một cách chi tiết hơn.<sup>9</sup> Một chuyên gia nổi tiếng chuyên các vấn đề về Hoa Kỳ, Shen Jiru, cho đăng một bài báo khác trên *Outlook Weekly* vào năm 1999 để kêu gọi việc tăng cường sức mạnh mềm của Trung Quốc.<sup>10</sup> Vào tháng Tám năm 2002, Viện Nghiên cứu Quốc tế Trung Quốc (tiếng Anh: China Institute of International Studies; viết tắt: CIIS) tổ chức một hội thảo với chủ đề “Tâm quan trọng và sức ảnh hưởng của quyền lực mềm trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ”. Thêm vào đó, gần đây, đã xuất hiện những chỉ trích về lý thuyết của Nye, khẳng định rằng định nghĩa về quyền lực mềm của ông chỉ chủ yếu thích hợp với kinh nghiệm của Hoa Kỳ, và cho rằng cần có một định nghĩa về quyền lực mềm khác phù hợp hơn với tình hình của Trung Quốc.<sup>11</sup>

Trong thời kỳ Hồ Cẩm Đào nắm quyền, những lãnh đạo cấp cao của Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) cũng đã bắt đầu giành sự quan tâm rõ nét hơn trong việc tăng cường quyền lực mềm của Trung Quốc. Vào tháng Năm năm 2004, Bộ Chính trị ĐCSTQ tổ chức Hội thảo Chuyên đề Nghiên cứu Tập trung lần thứ 13 về vấn đề “Sự phát triển và thành tựu của Triết học và Khoa học Xã hội Trung Quốc”. Nền tảng của hội thảo nghiên cứu này chính là sự ra đời của “Đồng thuận Bắc Kinh” và sự quan tâm ngày càng mạnh mẽ của thế giới đối với mô hình phát triển của Trung Quốc. Mặc dù chúng tôi không thể đưa ra kết luận cụ thể nào do thiếu thông tin về những gì thực sự đã được bàn luận tại cuộc hội thảo này, nhưng một báo cáo của Trung Quốc đã lập luận rằng việc tổ chức cuộc hội thảo này là rất quan trọng, vì nó chính là một minh chứng cho việc “các nhà lãnh đạo Trung Quốc, vào thời điểm này, đã bắt đầu theo đuổi việc củng cố quyền lực mềm của Trung Quốc từ một góc nhìn chiến lược”.<sup>12</sup>

Mãi đến cuối những năm 1990, những nhà trí thức Trung Quốc mới thảo luận về lý thuyết sức mạnh mềm trong mối tương quan đến chính sách quốc gia của Trung Quốc. Với việc sức mạnh quốc gia của Trung Quốc được khuếch trương

---

<sup>8</sup> Như trên, p. 60.

<sup>9</sup> Pang Zhongyin, “Guoji Guanxi Zhongde Ruanlilang Jiqita” [Soft power and others in international relations], *Zhanlue yu Guanli* [Strategy and Management] 2 (1997), pp. 49–51.

<sup>10</sup> Shen Jiru, “Buneng Hushi Zengqiang Woguode Ruanshili” [Can’t neglect strengthening our country’s soft power], *Liaowang* [Outlook Weekly] 41 (October 1999), pp. 12–13.

<sup>11</sup> Pang Zhongyin, “Zhongguo Ruanlilangde Neihan” [Connotation of China’s soft power], Như trên, 45 (November 2005), p. 62.

<sup>12</sup> Yang Taoyuan, “Tisheng Zhongguo Ruanshili” [Raising China’s soft power], Như trên, 23 (June 2004), pp. 14–15.



cùng nền kinh tế tăng trưởng nhanh chóng, thế giới đã chú ý đến sự trỗi dậy của Trung Quốc, và người Trung Quốc cũng giành một sự quan tâm lớn hơn tới những vấn đề toàn cầu. Khác với trước đây, các phương tiện truyền thông báo chí lớn [ở Trung Quốc] đã bắt đầu tường thuật rộng rãi về các vấn đề toàn cầu; kết quả là, những cuộc thảo luận tích cực về các vấn đề này cũng như về chính sách đối ngoại không chỉ diễn ra ở cấp độ trung ương, mà còn diễn ra trong tầng lớp xã hội đại chúng. Những yếu tố phức hợp này đã thúc giục những sự thay đổi trong ý thức tự giác của người dân Trung Quốc và trong cách chính phủ Trung Quốc thực hiện việc tự đánh giá [quốc gia của mình].<sup>13</sup> Thái độ của dư luận quốc tế về Trung Quốc cũng được cải thiện, với một sự kiện mấu chốt là sự phản ứng của Trung Quốc đối với cuộc khủng hoảng kinh tế châu Á năm 1997 – 1998: trong suốt cuộc khủng hoảng, Bắc Kinh đã duy trì mệnh giá cố định cho đồng Nhân dân tệ (NDT), và đóng góp vào quỹ bình ổn giành cho các quốc gia bị ảnh hưởng.<sup>14</sup>

Với những bước phát triển trên, các nhà trí thức Trung Quốc cố gắng để đưa ra một chiến lược quốc gia mới nhằm hỗ trợ sự trỗi dậy của Trung Quốc từ một cường quốc khu vực trở thành cường quốc toàn cầu. Khái niệm về “sức mạnh tổng hợp quốc gia” (*zonghe guoli– tổng hợp quốc lực*) cũng xuất hiện vào cuối thập niên 1990; và khi quyền lực mềm được công nhận rộng rãi là một bộ phận quan trọng của sức mạnh tổng hợp quốc gia, các học giả Trung Quốc đã xem việc củng cố quyền lực mềm của Trung Quốc như một mục tiêu quốc gia hàng đầu. Việc đánh giá này được ghi nhận kĩ càng trong các nghiên cứu, bao gồm các cụm từ như “sức mạnh tổng hợp quốc gia” và “đại chiến lược” (*dazhanlue*) được nhắc đến trong tên của các đề tài nghiên cứu này. Ví dụ, vào năm 1999, Huang Shuofeng công bố cuốn *Lý thuyết về Sức mạnh Tổng hợp Quốc gia*, và được công nhận rộng rãi như một thành tựu tiên phong trong lĩnh vực này. Trong cuốn sách, Huang mô tả “sức mạnh tổng hợp quốc gia” là sự tổng hợp của quyền lực cứng (tức sức mạnh kinh tế, sức mạnh về khoa học và công nghệ, khả năng phòng thủ quốc gia và khả năng về tài nguyên thiên nhiên) và quyền lực mềm (tức cấu trúc chính trị, bộ máy lãnh đạo chính phủ, quyền ra quyết định, khả năng tổ chức quản lý và khả năng phối hợp cải cách). Những nghiên cứu sau đó của những học giả Trung Quốc tiêu biểu đã tiếp tục phát triển việc nghiên cứu chiến lược quốc gia của Trung Quốc, bao gồm quyền lực mềm.<sup>15</sup>

<sup>13</sup> Zhang Jianjing, *Zhongguo Jueqi* [Rise or else: China’s road to a great power] (Beijing: Xinhua chubanshe, 2005), pp. 126–27.

<sup>14</sup> Lampton, “China’s Rise in Asia,” p. 307.

<sup>15</sup> Hu Angang, *Zhongguo Fazhan Qianjing* [China’s development prospects] (Hangzhou: Zhejiang renmin chubanshe, 1999); idem, *Zhongguo Dazhanlue* [The grand strategy of China] (Hangzhou: Zhejiang renmin chubanshe, 2003); idem, *Zhongguo: Xin Fazhanguan* [China: New development

Các cuộc tranh luận về quyền lực mềm ở Trung Quốc thường rơi vào một trong hai phạm trù sau: (1) lý thuyết về quyền lực mềm như là một chiến lược phát triển quốc gia, và (2) lý thuyết về quyền lực mềm như là một chính sách đối ngoại. Phạm trù (1) chủ yếu bàn về cải cách thể chế cần thiết cho phát triển kinh tế, trong khi phạm trù (2) tập trung vào việc thiết lập chính sách đối ngoại phù hợp với sự trỗi dậy của Trung Quốc. Một số học giả Trung Quốc nhấn mạnh việc củng cố quyền lực mềm như một công cụ để giải quyết các vấn đề trong nước của Trung Quốc, bắt nguồn từ việc theo đuổi tăng trưởng kinh tế một cách mù quáng trong những thập niên gần đây. Ye Zicheng, giáo sư Đại học Bắc Kinh, lập luận rằng Trung Quốc nên củng cố quyền lực mềm ở lĩnh vực chính trị, kinh tế và chính sách đối ngoại để tránh dẫm vào vết xe đổ của Liên Xô. Theo ý kiến của ông, Liên Xô đã sụp đổ do sự suy yếu của sức mạnh mềm và dẫn đến việc giảm sức ảnh hưởng trên trường quốc tế, mặc dù vào thời điểm đó, Liên Xô là quốc gia có sức mạnh quân sự lớn nhất thế giới và sánh ngang với Hoa Kỳ. Ye đề nghị đưa ra “đổi mới thể chế” ở mọi lĩnh vực (đặc biệt là ở các cơ quan chính trị, kinh tế và văn hoá) như một biện pháp để tăng cường quyền lực mềm của Trung Quốc.<sup>16</sup>

Tương tự, Pang Zhongying thừa nhận rằng quyền lực mềm được mặc định là không thể thiếu đối với một quốc gia để trở thành cường quốc toàn cầu, và là nền tảng của một nền quản trị tốt. Pang cho rằng Trung Quốc cần thực hiện một số biện pháp nhằm cải thiện cách quản trị đất nước: dân chủ xã hội chủ nghĩa, hợp lý hoá cơ cấu kinh tế và những nỗ lực để cải thiện sự bất bình đẳng và bất cân bằng kinh tế.<sup>17</sup> Theo *China's International Status Report 2005* (Báo cáo Địa vị Quốc tế của Trung Quốc năm 2005), hai nhà nghiên cứu Zhang Youwen và Huang Renwei tại Học viện Khoa học Xã hội Thượng Hải đã lần đầu xem quyền lực mềm là một trong những tiêu chí để đánh giá sự gia tăng sức mạnh quốc gia của Trung Quốc. Trong báo cáo của mình, họ chỉ rõ rằng quyền lực mềm của Trung Quốc tăng vào năm 2004 chủ yếu nhờ vào những nỗ lực mới nhằm xây dựng thể chế. Những nỗ lực này

---

strategy] (Hangzhou: Zhejiang renmin chubanshe, 2004); Hu Angang and Yang Fan, eds., *Daguo Zhanlüe* [Great power's strategy] (Shenyang: Liaoning renmin chubanshe, 2000); Hu Angang and Men Honghua, eds., *Zhongguo: Dongya Yitihua Xinzhanlüe* [China's new strategy for East Asia integration] (Hangzhou: Zhejiang renmin chubanshe, 2005); Men Honghua, ed., *Zhongguo: Daguo Jueqi* [The rise of modern China] (Hangzhou: Zhejiang renmin chubanshe, 2004); idem, *Goujian Zhongguo Dazhanlüede Kuangjia* [China's grand strategy: A framework analysis] (Beijing: Peking University Press, 2005); Ye Zicheng, *Zhongguo Dazhanlüe* [The grand strategy of China] (Beijing: Zhongguo shehuikexue chubanshe, 2003); Yan Xuetong and Sun Xuefeng, eds., *Zhongguo Jueqi Jiqi Zhanlüe* [The rise of China and its strategy] (Beijing: Peking University Press, 2005).

<sup>16</sup> Ye, *Zhongguo Dazhanlüe*, pp. 116–17.

<sup>17</sup>Pang Zhongying, “Fazhan Zhongguo Ruanlilang” [Developing China's soft power], *Liaowang* 1 (January 2006), p. 63.

bao gồm việc sửa đổi Hiến pháp để bảo vệ tài sản tư, nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc và việc xây dựng hệ thống pháp luật.<sup>18</sup>

Tuy nhiên, các cuộc tranh luận về quyền lực mềm thường chủ yếu tập trung vào chính sách đối ngoại. Bước vào thời kỳ Hồ Cẩm Đào nắm quyền, xuất hiện những yêu cầu phổ quát rằng Trung Quốc phải củng cố quyền lực mềm lẫn quyền lực cứng để phát triển thành một cường quốc toàn cầu. Như đã đề cập, khái niệm “quyền lực mềm” đã giành được một sự chú ý rất lớn; những cuộc thảo luận về quyền lực mềm không chỉ giới hạn trong những bài nghiên cứu học thuật, mà còn xuất hiện trên báo và tạp chí.<sup>19</sup> Đặc biệt, sự ra đời của thuyết Trỗi dậy hoà bình vào năm 2003 và Đồng thuận Bắc Kinh vào năm 2004 đã góp phần quyết định khiến việc sử dụng lý thuyết quyền lực mềm trở thành một xu hướng trên toàn quốc.

Trong thực tế, ngay cả trước thời kỳ Hồ Cẩm Đào, Trung Quốc đã có những nỗ lực liên quan đến chủ đề này, mặc dù khái niệm cụ thể cho “quyền lực mềm” chưa được sử dụng lúc này. Các ví dụ dễ thấy nhất bao gồm “khái niệm mới về trật tự chính trị - kinh tế quốc tế”, phát triển từ Năm Nguyên tắc Chung sống Hoà bình trong thời kỳ Mao Trạch Đông và chỉ trích trật tự quốc tế do Hoa Kỳ dẫn dắt. Các ví dụ khác bao gồm “khái niệm an ninh mới” – chỉ trích các biện pháp an ninh truyền thống (ví dụ như NATO và liên minh Mỹ - Nhật) và “lý thuyết cường quốc có trách nhiệm” – dùng để lập luận chống lại quan điểm áp đặt là Trung Quốc đã phá hoại hệ thống quốc tế, đồng thời khái niệm này cho rằng Trung Quốc là một cường quốc có trách nhiệm về hành động của mình trong cộng đồng quốc tế. Các học thuyết khác được đưa ra bao gồm “Thuyết cơ hội Trung Quốc” và “Thuyết đóng góp của Trung Quốc”, về cơ bản là những lý thuyết đối phó với “Thuyết mối đe dọa Trung Quốc” và “Thuyết sự sụp đổ của Trung Quốc”.<sup>20</sup> Hơn thế nữa, Trung Quốc đã theo đuổi nhiều chính sách ngoại giao để hỗ trợ mục tiêu trên, mà chính sách của nước này đối với Châu Phi chính là một minh chứng tiêu biểu.<sup>21</sup> Những cuộc thảo luận về quyền lực mềm trong thời kỳ Hồ Cẩm Đào đã được hệ thống hoá rõ nét hơn nhờ những nỗ lực mới, trong đó điển hình là đề xuất về “thuyết trỗi dậy hoà bình” và “thế giới hoà hợp”, cũng như việc củng cố chính sách ngoại giao công chúng.

<sup>18</sup> Zhang Youwen and Huang Renwei, eds., *2005 Zhongguo Guoji Diwei Baogao* [China's international status report 2005] (Beijing: Remnin chubanshe, 2005), pp. 273–80.

<sup>19</sup> Liu, “Ruanshilishuode Youlai Yu Fazhan,” p. 60.

<sup>20</sup> Thuyết đóng góp của Trung Quốc cho rằng sự phát triển kinh tế của Trung Quốc tạo thuận lợi cho sự phát triển kinh tế của Châu Á và thế giới, cải thiện phân công lao động toàn cầu một cách hợp lý, và đóng góp vào việc giải quyết vấn đề nghèo đói toàn cầu. Trong khi đó, thuyết cơ hội Trung Quốc cho rằng tiềm năng của Trung Quốc trong vai trò một thị trường quốc tế lớn mang lại cho các nước khác cơ hội thương mại và đầu tư. Men, *Goujian Zhongguo Dazhan- lüede Kuangjia*, pp. 19–21.

<sup>21</sup> Drew Thompson, “China's Soft Power in Africa: From the 'Beijing Consensus' to Health Diplomacy,” *China Brief* 5:21 (2005), pp. 1– 4.



Xét về khía cạnh của một chiến lược ngoại giao, quyền lực mềm sẽ có hai hướng sau. Hướng thứ nhất là giải thích cho việc làm thế nào để đối phó với cái gọi là quyền lực mềm của Hoa Kỳ thông qua các biện pháp đối phó thích hợp; hướng thứ hai sẽ nêu chi tiết các biện pháp đối ngoại dùng để giúp Trung Quốc nổi lên như một cường quốc toàn cầu.

Các học giả Trung Quốc – những người đã thận trọng hơn với những tác động tiêu cực của quyền lực mềm Hoa Kỳ đối với Trung Quốc – đã đề xuất cần đối đầu trực tiếp với vấn đề này. Họ tập trung vào thực tế rằng chiến lược quyền lực mềm của Hoa Kỳ đã đóng một vai trò rất lớn trong sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu. Trong thời đại của thông tin và toàn cầu hoá, họ lập luận rằng việc tăng cường bá quyền văn hoá Mỹ và truyền bá các giá trị của nước này thông qua Internet và các phương tiện truyền thông đại chúng chính là những mối đe dọa nguy hiểm nhất. Các học giả Trung Quốc đã xem việc này như một mưu đồ của Hoa Kỳ nhằm thực hiện “diễn biến hoà bình” (*heping yanbian*). Để chống lại những “mưu đồ” này, họ kêu gọi chính phủ Trung Quốc củng cố việc giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa và tiến hành các chính sách để bảo vệ văn hoá truyền thống Trung Quốc.<sup>22</sup>

Do vậy, không có gì đáng ngạc nhiên khi những học giả này xem lý thuyết quyền lực mềm của Nye như một sự phản ánh về tham vọng của Hoa Kỳ trong việc duy trì sự lãnh đạo bá quyền trong thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh, đồng thời mạnh mẽ chỉ trích bài viết được đăng trên *Wall Street Journal* vào năm 2005 của Nye. Như đã đề cập trước đó, trong bài viết này, Nye cảnh báo về sự gia tăng nhanh chóng của quyền lực mềm Trung Quốc tại khu vực châu Á và kêu gọi Hoa Kỳ đối đầu trực tiếp với sự trỗi dậy của Trung Quốc. Những học giả Trung Quốc cho rằng Nye đã đánh giá quá cao quyền lực mềm của Trung Quốc, và xem lý thuyết của Nye chung qui chẳng khác gì với “phiên bản quyền lực mềm của thuyết mối đe dọa Trung Quốc” – cái mà đối với những học giả này chỉ để giúp Hoa Kỳ có cơ kiểm chế sự phát triển của Trung Quốc một cách chặt chẽ hơn trong thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh.<sup>23</sup>

---

<sup>22</sup> Zhan Dexiong, “Ruanshilide Hanyi Yiji Dui Woguode Qishi” [Implication of soft power and its meaning to China], *Zhongguo Zhengdang Ganbu Luntan* [China Party Cadre Forum] 7 (2004), pp. 37–39; Zhang Shan, “Baquanzhuyide Ruanlilang He Yinglilang” [Hegemony’s soft power and hard power], *Lilun Tansuo* [Theory Exploration] 1 (2000), pp. 4–6; Zhao Changmao, “Zhongguo Xuyao Ruanshili” [China needs soft power], *Liaowang* 23 (June 2004), p. 1; Dong Liren, Kou Xiaoyu, and Chen Rongde, “Guanyu Zhongguode Ruanshili Jiqi Tishengde Sikao” [A consideration on China’s soft power and its rise], *Tansuo* [Seek] 1 (2005), pp. 143–46; Huang Renwei, “Lun Zhongguo Jueqide Guoneiwai Huanjing Zhiyue” [A discussion on domestic and international constraints on China’s rise], *Shehui Kexue* [Social Science] 2 (2003), pp. 5–12.

<sup>23</sup> Zhang Chi, “Zhongguo Weixielun Xinbanben” [A new version of China threat theory],

Mặt khác, đối với những học giả Trung Quốc nghiên cứu về vấn đề chính trị quốc tế, việc củng cố quyền lực mềm ở cấp độ chiến lược là cần thiết để Trung Quốc trở thành một cường quốc toàn cầu. Theo những học giả này, sự nổi lên của Trung Quốc trong vai trò một cường quốc khu vực đã trở thành một thực tế được công nhận bởi cộng đồng quốc tế. Đặc biệt, sự tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc được xem là minh chứng rõ ràng cho thực tế này. Kết quả là, các học giả Trung Quốc rút ra kết luận rằng mục tiêu ngoại giao của Trung Quốc đã thay đổi dựa vào sự bành trướng của sức mạnh quốc gia và sự trỗi dậy trong vai trò lãnh đạo toàn cầu [của Trung Quốc]. Với việc được chấp thuận tham gia vào Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), mục tiêu ngoại giao hoà nhập vào cộng đồng quốc tế của Trung Quốc trước đây đã trở thành hiện thực. Giờ đây, mục tiêu chính của Trung Quốc chính là đảm bảo tiếng nói của mình trong quá trình lập nên những quy định quốc tế mới và hình thành những chính sách lớn của khu vực và quốc tế.<sup>24</sup>

Về vấn đề này, họ cho rằng hiện nay Trung Quốc phải đối mặt với hai thách thức mới. Thách thức đầu tiên là Trung Quốc phải gạt đi mối e ngại về “lý thuyết mối đe dọa Trung Quốc” và thuyết phục cộng đồng quốc tế - đặc biệt là những quốc gia châu Á - rằng sự trỗi dậy của Trung Quốc chính là một sự thật hiển hiện và đáng mong muốn. Thách thức thứ hai là đảm bảo tiếng nói của Trung Quốc trong cộng đồng thế giới bằng cách gánh vác các trách nhiệm quốc tế. Hai nhiệm vụ này liên quan chặt chẽ đến việc củng cố quyền lực mềm của Trung Quốc. Khi xem xét những nhiệm vụ này, hầu hết các học giả Trung Quốc đều đồng ý rằng để trở thành một cường quốc toàn cầu, Trung Quốc cần củng cố quyền lực mềm của mình.<sup>25</sup>

## **Quyền lực mềm của Trung Quốc: Nguồn lực và triển vọng**

Ngày nay, quyền lực mềm của Trung Quốc phụ thuộc vào ba nguồn lực sau: mô hình phát triển Trung Quốc, chính sách đối ngoại tập trung vào thuyết trỗi dậy hoà bình hoặc phát triển hoà bình, và cuối cùng là nền văn minh Trung Quốc.

---

Renminwang [Peopledaily.com], January 26, 2006, <<http://world.people.com.cn/GB/4064869.html>>, truy cập January 27, 2006.

<sup>24</sup> Yan and Sun, *Zhongguo Jueqi Jiqi Zhanlue*, p. 5.

<sup>25</sup> Wang Yuchen, “Lüelun Beijing Gongshi Dui Tisheng Zhongguo Ruanshilide Qidi” [A brief discussion on the Beijing consensus and its effect on the rise of China’s soft power], *Zhongnan Caijing Zhengfa Daxue Xuebao* [Journal of Zhongnan University of Economics and Law] 1 (2005), pp. 3–8; Deng Xianchao, “Qiaoran Jueqide Zhongguo Ruanshili” [Softly rising China’s soft power], *Pandeng* [Ascent] 6 (2005), pp. 89–93; Ruan Zongze, “Shixian Zhongguo Waijiao Huayuquan” [Realizing China’s rights to speak in diplomacy], *Liaowang* 32 (August 2005), pp. 26–28.

## ***Đồng thuận Bắc Kinh và Mô hình phát triển Trung Quốc***

Khái niệm Đồng thuận Bắc Kinh được đưa ra lần đầu bởi Joshua Cooper Ramo - cố vấn cấp cao của Công ty đầu tư Goldman Sachs và là giáo sư thỉnh giảng của đại học Thanh Hoa – trong một báo cáo nghiên cứu mang tên “Đồng thuận Bắc Kinh” được xuất bản vào tháng Năm năm 2004 tại Trung tâm Chính sách Đối Ngoại (thuộc Văn phòng Thủ tướng Anh Quốc). Kể từ đó, khái niệm này nhận được sự công nhận rộng rãi của cộng đồng quốc tế nhờ các bản tin của những phương tiện truyền thông có uy tín ở nước ngoài. Bản báo cáo của Ramo tóm tắt về cơ sở quyền lực mới của Trung Quốc, tuyên bố rằng Trung Quốc đã trở thành một đối thủ cạnh tranh của Hoa Kỳ về phương diện sức mạnh tổng hợp quốc gia. Hơn thế nữa, ông lập luận rằng Đồng thuận Bắc Kinh đang bắt đầu thay thế Đồng thuận Washington, đặc biệt là ở những quốc gia đang phát triển.<sup>26</sup>

Theo Ramo giải thích, Đồng thuận Bắc Kinh gồm ba công thức sau: (1) mô hình phát triển Trung Quốc dựa trên sự đổi mới, (2) mô hình phát triển Trung Quốc xem phát triển bền vững và sự bình đẳng là những ưu tiên hàng đầu; và (3) Trung Quốc sẽ đấu tranh cho sự tự quyết trong chính sách đối ngoại.<sup>27</sup> Đồng thuận Bắc Kinh, tương tự với Đồng thuận Washington, không những chỉ tập trung về kinh tế, mà còn tập trung vào các vấn đề chính trị, xã hội và ngoại giao. Ramo lập luận rằng, với vai trò là một mô hình phát triển mới, Đồng thuận Bắc Kinh đem đến hi vọng cho những quốc gia đang phát triển đang ở trong giai đoạn của một tình trạng quốc tế thiếu chắc chắn: sự sụp đổ của Đồng thuận Washington, sự đổ vỡ các cuộc đàm phán của Tổ chức Thương mại Thế giới và sự sụp đổ của nền kinh tế Argentina.<sup>28</sup> Như vậy, theo quan điểm của Ramo, thay vì áp dụng rập khuôn những chính sách của cái gọi là chủ nghĩa tự do mới để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế như Đồng thuận Washington đã làm, các chính sách phát triển của Trung Quốc hiệu quả và thiết thực hơn cho các quốc gia đang trong giai đoạn chuyển đổi và các quốc gia đang phát triển.

---

<sup>26</sup> Joshua Cooper Ramo, *Beijing Consensus* (London: Foreign Policy Center, 2004), pp. 3–4. Đồng thuận Washington là một thuật ngữ do John Williamson đưa ra tại Viện Kinh tế Quốc tế năm 1990. Williamson đề xuất một loạt các chính sách để giải quyết các vấn đề kinh tế của Mỹ Latinh, bao gồm cải cách thuế, tự do hóa lãi suất, một cơ chế tỉ giá hối đoái cạnh tranh, tự do hóa thương mại, tự do hóa đầu tư trực tiếp nước ngoài, và phi điều tiết hóa. Kể từ đó Đồng thuận Washington đã trở nên đồng nghĩa với các chính sách “tân tự do” phản ánh quan điểm của Hoa Kỳ, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng Thế giới, v.v... John Williamson, “What Should the World Bank Think about the Washington Consensus?” *World Bank Research Observer* 15:2 (August 2000), pp. 251–64; John Williamson, “A Short History of the Washington Consensus,” paper commissioned by Fundaci CIDOB for a conference, “From the Washington Consensus towards a New Global Governance,” Barcelona, September 24, 2004.

<sup>27</sup> Như trên, pp. 11–12.

<sup>28</sup> Như trên, p. 60.

Tuy vậy, “Đồng thuận Bắc Kinh” của Ramo lại đáng thất vọng về nội dung. Trên thực tế, hầu hết mọi người để ý đến Đồng thuận Bắc Kinh không phải do những gì mà Đồng thuận này đề cập tới, mà do Đồng thuận Bắc Kinh dường như được dùng để đối phó với khái niệm Đồng thuận Washington. Khi xem xét lại nguyên tắc (1) của Đồng thuận Bắc Kinh, chúng ta nhận thấy nó chỉ đơn giản nhắc lại rằng: bước vào thời kỳ Hồ Cẩm Đào, Trung Quốc tập trung vào sự đổi mới. Nguyên tắc (2) cũng lặp lại từng chữ một chiến lược kinh tế mà Trung Quốc thực hiện trong thời kỳ Hồ Cẩm Đào, từ bỏ chính sách ưu tiên phát triển kinh tế trước đó và đưa ra chiến lược phát triển cân bằng dựa vào một “khái niệm khoa học về phát triển”. Sự phát triển bền vững và cân bằng mà Ramo đề cập tới chỉ đơn giản là bản tóm tắt của chiến lược này. Nguyên tắc (3) (tức sự tự quyết) cũng chỉ là một danh mục của các chính sách đối ngoại độc lập được Trung Quốc chính thức đưa ra vào năm 1982. Như vậy, khái niệm “Đồng thuận Bắc Kinh” của Ramo không những không đưa ra được gì mới, mà nó còn có vẻ như một biện pháp “giấu tay” dùng để tuyên truyền lập trường chính thức của Trung Quốc.

Khi khái niệm Đồng thuận Bắc Kinh của Ramo ra mắt, nó nhận được sự theo dõi rộng rãi của truyền thông Trung Quốc và có thêm nhiều bài phân tích học thuật về vấn đề này. Các quan điểm chính thống ở Trung Quốc đón nhận khái niệm Đồng thuận Bắc Kinh; và khi Đồng thuận Bắc Kinh giành được sự công nhận rộng rãi của quốc tế, một số quốc gia đã bắt đầu chấp nhận nó như là một mô hình phát triển phổ biến áp dụng được cho các quốc gia thuộc Thế giới thứ ba. Các học giả Trung Quốc có xu hướng xem các đánh giá tích cực này như một dấu hiệu của sự gia tăng quyền lực mềm của Trung Quốc.<sup>29</sup> Thực tế rằng lực lượng chủ yếu phổ biến về khái niệm “Đồng thuận Bắc Kinh” không phải là chính phủ Trung Quốc hay học giả Trung Quốc, mà là các học giả nước ngoài và các phương tiện truyền thông nước ngoài, chính là một dấu hiệu rất đáng khích lệ. Tình huống này khiến chúng ta liên tưởng đến trường hợp của Chalmers Johnson. Johnson đã tóm tắt lại kinh nghiệm phát triển của Nhật Bản và giới thiệu với thế giới rằng đó là “mô hình nhà nước

---

<sup>29</sup> Yu Keping, Huang Ping, Xie Shuguang, and Gao Jian, eds., *Zhongguo Moshi Yu Bei-jing Gongshi: Chaoyue Huashengdun Gongshi* [China model and the Beijing consensus: Beyond the Washington consensus] (Beijing: Shehuikexue wenxian chubanshe, 2006); Huang Ping and Cui Zhiyuan, eds., *Zhongguo Yu Quanguohua: Huashengdun Gongshi Haishi Beijing Gongshi* [China and globalization: The Washington consensus, the Beijing consensus, or what?] (Beijing: Shehuikexue wenxian chubanshe, 2005); Zhang Jianjing, “Beijing Gongshi Yu Zhong-guo Ruanshilibo Tisheng” [Beijing consensus and rise of China’s soft power], *Dangdai Shijie Yu Shehuizhuyi* [Contemporary World and Socialism] 5 (2004), pp. 10–14; Tian Chunsheng, “Huashengdun Gongshi Yu Beijing Gongshi Bijiao Chutan” [A preliminary comparison between Washington consensus and Beijing consensus], *Jingji Shehui Tizhi Bijiao* [Comparative Studies of Economic and Social System] 2 (2005), pp. 77–80; Zhou Jianjun and He Hengyuan, “Zhongguo Zhuanxingde Shijie Yiyi” [Global meaning of China’s transition], *Shijie Jingji Yu Zhengzhi Luntan* [World Economy and Politics Forum] 1 (2005), pp. 72–75.

phát triển tư bản chủ nghĩa”; và Nhật Bản (đặc biệt là Bộ Ngoại thương và Công nghiệp [MITI]) đã ủng hộ nhiệt liệt việc làm này của Johnson.<sup>30</sup>

Trong khi đó, có những nhóm khác ở Trung Quốc e ngại về sự khuếch trương của Đồng thuận Bắc Kinh và những tác động tiêu cực của nó, mặc dù họ thừa nhận và chào đón tín hiệu về sự trỗi dậy của quyền lực mềm Trung Quốc. Những nhóm này lo rằng Đồng thuận Bắc Kinh sẽ “thêm dầu vào lửa” vào cuộc tranh luận về thuyết mối đe dọa Trung Quốc. Cho đến nay, những mối đe dọa của Trung Quốc đối với Hoa Kỳ đều nằm trong phạm vi quyền lực cứng, nhưng nếu Trung Quốc tiếp tục truyền bá mô hình phát triển của mình là có ý nghĩa phổ quát thì Đồng thuận Bắc Kinh có thể được xem là một mối đe dọa mới đối với những giá trị của Hoa Kỳ. Ngoài ra, với sự phổ biến ngày một rộng khắp của Đồng thuận Bắc Kinh, một số người e ngại là Trung Quốc sẽ vô tình rơi vào vị trí tiên phong trong phong trào chống toàn cầu hoá – một phong trào đối nghịch với chủ nghĩa tự do mới của Hoa Kỳ. Một số nhóm chống toàn cầu hoá đã chỉ trích chủ nghĩa tự do mới và quá trình toàn cầu hoá do Hoa Kỳ dẫn dắt bằng cách sử dụng những lập luận của Đồng thuận Bắc Kinh. Nếu những khuynh hướng này tiếp tục diễn ra, ngược lại với những mong muốn của mình, Trung Quốc sẽ phải đối mặt với việc bị hiểu lầm là chống lại các quốc gia phương Tây, và bị xem là lực lượng chính chống lại trật tự thế giới đã được thiết lập hiện nay.<sup>31</sup>

Trên hết, khái niệm Đồng thuận Bắc Kinh mà Ramo đưa ra là vô giá đối với Trung Quốc vì nó minh chứng cho sự độc đáo của mô hình phát triển Trung Quốc. Khi Trung Quốc bắt đầu cải cách và thực hiện chính sách mở cửa vào năm 1978, nước này đã xem xét nhiều mô hình phát triển trên toàn thế giới. Trong số đó, các mô hình “sáng giá” nhất bao gồm mô hình Chủ nghĩa Xã hội Thị trường (market socialist model) của Hungary và mô hình Nhà nước Phát triển (developmental state model) của Đông Á. Trung Quốc nghiêng về mô hình thứ hai. Sự thành lập của bốn đặc khu kinh tế, theo đuổi chiến lược công nghiệp hóa dựa vào xuất khẩu và hoạt động của các cơ quan thí điểm nhằm thực hiện các chính sách công nghiệp là những minh chứng điển hình cho việc thực hiện mô hình này của Trung Quốc. Do đó, việc này đã khiến cho một số nhà nghiên cứu kết luận rằng Trung Quốc về bản chất là một biến thể của các nhà nước phát triển Đông Á. Các học giả Trung Quốc đã ngầm hoặc công khai thừa nhận sự cắt nghĩa này.<sup>32</sup>

---

<sup>30</sup> Chalmers Johnson, “The Developmental State: Odyssey of a Concept,” in *The Developmental State*, ed. Meredith Woo-Cumings (Ithaca: Cornell University Press, 1999), pp. 32–60.

<sup>31</sup> Zhang, *Zhongguo Jueqi*, p. 164.

<sup>32</sup> Jonathan Unger and Anita Chan, “Corporatism in China: A Developmental State in an East Asian Context,” in *China after Socialism: In the Footsteps of Eastern Europe or East Asia*, eds. Barrett L.



Tuy nhiên, sau này, các học giả Trung Quốc đã nhấn mạnh tính độc lập và sự khác biệt của mô hình phát triển Trung Quốc so với mô hình của Đông Á. Một số học giả lập luận rằng, khác với Nhật Bản, Hàn Quốc hay Đài Loan, Trung Quốc đã tích cực theo đuổi vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài và do đó, các công ty ngoại quốc đã đóng một vai trò rất lớn trong sự phát triển kinh tế của Trung Quốc. Tương tự như vậy, đối với việc huy động vốn, khác với Hàn Quốc hay Đài Loan – những quốc gia phụ thuộc vào tín dụng và ngân hàng nước ngoài, Trung Quốc đã tận dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng như thị trường chứng khoán. Thêm vào đó, so với các kế hoạch phát triển kinh tế dựa vào chính sách bảo hộ thương mại của Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan, Trung Quốc – từ những giai đoạn đầu của cuộc cải cách – đã giành mọi nỗ lực để củng cố sức cạnh tranh của các công ty Trung Quốc thông qua tự do hoá thị trường một cách chủ động. Trung Quốc đã đạt được nỗ lực này với việc được chấp nhận là thành viên của WTO vào tháng Mười Hai năm 2001.<sup>33</sup>

Có nhiều động lực đằng sau các nỗ lực của các học giả Trung Quốc trong việc nhấn mạnh sự độc đáo của mô hình phát triển Trung Quốc trong thời gian gần đây. Như Hàn Quốc và Đài Loan đã chứng minh, các nhà nước phát triển Đông Á vốn từng được đặc trưng bởi hệ thống chính trị chuyên chế đã bước vào con đường dân chủ hoá. Những ví dụ trên hàm ý rằng Trung Quốc cũng sẽ trải qua quá trình dân chủ hoá sau khi nền kinh tế phát triển. Nhưng nhờ vào sự khác biệt của mô hình phát triển Trung Quốc so với những quốc gia này, Trung Quốc có thể xua đi những dự tính và tuyên bố này. Hơn thế nữa, với việc xem xét những chỉ trích nổi lên sau khủng hoảng kinh tế châu Á năm 1997 – 98 đối với mô hình nhà nước phát triển Đông Á, việc đề cao tính sáng tạo của mô hình phát triển Trung Quốc đã dập tắt những lời đồn đoán rằng mô hình phát triển của nước này là không bền vững hoặc ổn định. Lập luận của Ramo có giá trị quan trọng trong việc xác nhận những tuyên bố của các học giả Trung Quốc.

Có một lý do đầy ý nghĩa khác khiến Trung Quốc chấp nhận Đồng thuận Bắc Kinh. Vì đây là một mô hình phát triển Trung Quốc toàn diện, từ chính thể cho đến

---

McCormick and Jonathan Unger (Armonk: M. E. Sharpe, 1996), pp. 95–129; Gordon White, "State and Market in China's Socialist Industrialization," in *Developmental States in East Asia*, ed. Gordon White (New York: St. Martin's Press, 1988), pp. 153–92; Ming Xia, *The Dual Developmental State: Development Strategy and Institutional Arrangements for China's Transition* (Brookfield: Ashgate, 2000), pp. 40–99.

<sup>33</sup> Yu, Huang, Xie, and Gao, *Zhongguo Moshi yu Beijing Gongshi*, pp. 21–33; Huang and Cui, *Zhongguo Yu Quanjihua*, pp. 146–78; Men, *Zhongguo: Daguo Jueqi*, pp. 1–17, 41–60; Tsinghua University Contemporary China Study Center, ed. *Guoqing yu Fazhan* [China's situations and development] (Beijing: Tsinghua daxue chubanshe, 2005).

xã hội, sự phổ biến của Đồng thuận Bắc Kinh đã giúp cho “Chủ nghĩa Xã hội màu sắc Trung Quốc” giành được nhiều hơn sự công nhận từ quốc tế, không chỉ như một mô hình phát triển kinh tế mà còn là một mô hình mới cho chế độ chính trị và cấu trúc xã hội. Với Đồng thuận Bắc Kinh, Trung Quốc cuối cùng đã có thể thoát khỏi điều kỳ thị rằng Trung Quốc là một quốc gia không dân chủ và vi phạm nhân quyền như thế giới phương Tây đã lập luận, và giờ đây, Trung Quốc có thể đảm nhiệm vai trò dẫn đầu, sánh ngang với Hoa Kỳ trong cộng đồng quốc tế bằng cách đưa ra những lời khuyên về chính sách phát triển cho những quốc gia thuộc Thế giới thứ ba.

Mặc dù những lợi ích này hoàn toàn nằm trong tầm tay của Trung Quốc, nước này vẫn có xu hướng kiềm chế việc tích cực tuyên truyền về Đồng thuận Bắc Kinh ở nước ngoài. Thứ nhất, như đã đề cập ở trên, các nội dung của Đồng thuận Bắc Kinh cơ bản là một bản tóm tắt về các lập trường chính thức của Trung Quốc. Kết quả là, nếu Trung Quốc chỉ đẩy mạnh việc giới thiệu những giá trị của Đồng thuận Bắc Kinh đến thế giới, nó sẽ chẳng khác gì việc mượn ý kiến của một người “ủng hộ Trung Quốc” để thông báo lập trường của Trung Quốc. Đồng thời, Trung Quốc quan ngại rằng, nếu nước này quá tích cực trong việc tuyên truyền về Đồng thuận Bắc Kinh, thì điều này sẽ dẫn tới những hiểu lầm không đáng có với Hoa Kỳ. Tuyên bố mạnh mẽ và công khai của ông Zheng Bijian trong chuyến thăm Hoa Kỳ năm 2006 của Hồ Cẩm Đào rằng Trung Quốc không có ý định xuất khẩu mô hình phát triển Trung Quốc đến các quốc gia khác là một ví dụ điển hình cho dụng ý thận trọng này của Trung Quốc.<sup>34</sup>

Ảnh hưởng thực sự của Đồng thuận Bắc Kinh đối với cộng đồng quốc tế chưa thể được xác định một cách chính xác. Tuy nhiên, chúng ta có thể ước lượng được sức hấp dẫn mà Đồng thuận Bắc Kinh có được ở những quốc gia cụ thể. Đồng thuận Bắc Kinh có ít sức hấp dẫn đối với những quốc gia như Hàn Quốc hay Đài Loan, những nơi đã trải qua mô hình phát triển giống với kiểu mô hình phát triển Trung Quốc. Đối với họ, Đồng thuận Bắc Kinh đại diện cho sự tổng hợp của những thử thách mà họ đã trải qua, chứ không phải là sự ra đời của một mô hình mới.

Tuy nhiên, đối với một số các quốc gia kém phát triển ở châu Á, châu Mỹ Latinh và châu Phi, kinh nghiệm của Trung Quốc có ý nghĩa rất quan trọng. Đặc biệt, ý tưởng rằng một hệ thống chính trị độc tài vẫn có thể được duy trì cùng lúc

---

<sup>34</sup> Zheng nguyên là phó hiệu trưởng Trường Đảng Trung ương, đồng thời là cựu chủ tịch Diễn đàn Cải cách Trung Quốc, một tổ chức bán chính phủ mang tính đại diện của giới ngoại giao Trung Quốc. Zheng cũng từng đóng vai trò cố vấn chính sách đối ngoại cấp cao của Hồ Cẩm Đào. Fang Dehao, “Zheng Bijian Yugao Hu Jintao Fangmei Zhuxuanlü” [Zheng Bijian noticed the main melody of Hu Jintao’s visit to the United States], *Chinese News Net*, April 12, 2006, <<http://www7.chinesenewsnet.com/gb/MainNews/SinoNews/Mainland>>, truy cập April 13, 2006.

với việc theo đuổi mức tăng trưởng kinh tế cao đã thu hút được sự quan tâm của giới cầm quyền ở các quốc gia phi dân chủ. Các nhà lãnh đạo độc tài ở Nam Á, châu Phi, Mỹ Latin, Nga và các nước cộng hoà thuộc Liên Xô cũ như Kazakhstan, Uzbekistan, và Turkmenistan đã thể hiện những sự quan tâm rất lớn với mô hình phát triển Trung Quốc, mà đại diện chính là Đồng thuận Bắc Kinh.<sup>35</sup> Về mặt này, Đồng thuận Bắc Kinh đóng vai trò rất quan trọng trong sự gia tăng quyền lực mềm Trung Quốc. Và nếu Trung Quốc tăng cường viện trợ kinh tế và hợp tác với những quốc gia này như Trung Quốc vẫn đang tiếp tục thực hiện, Đồng thuận Bắc Kinh sẽ có thể thay thế Đồng thuận Washington, như Ramo khẳng định, ít nhất là ở một số quốc gia kém phát triển.

### ***Chính sách đối ngoại: Các lý thuyết về Trỗi dậy Hoà bình và Phát triển Hoà bình***

Tiềm lực khác của quyền lực mềm Trung Quốc nằm trong chính sách đối ngoại của quốc gia này, đặc biệt là trong chính sách khu vực của nước này đối với khu vực châu Á. Như Nye lập luận, chính sách đối ngoại là yếu tố chủ chốt trong các tiềm lực của quyền lực mềm, và việc thực hiện một chính sách đối ngoại được hoạch định kỹ càng có thể ảnh hưởng rất lớn đến quyền lực mềm của một quốc gia. Trung Quốc không là một ngoại lệ. Về vấn đề này, lý thuyết về sự trỗi dậy hoà bình và phát triển hoà bình - vốn được coi là những chiến lược ngoại giao giúp Trung Quốc phát triển thành một cường quốc toàn cầu - có thể được xem như những trường hợp quan trọng dùng để đánh giá những cuộc thảo luận về quyền lực mềm và cách ứng dụng quyền lực mềm vào chiến lược quốc gia trong thời kỳ Hồ Cẩm Đào.

Thuyết Trỗi dậy Hoà bình được đưa ra lần đầu tiên bởi Zheng Bijian vào tháng Mười Một năm 2003 tại Diễn đàn Châu Á Bắc Ngao được tài trợ bởi Trung Quốc. Kể từ đó, thuyết này đã giành được rất nhiều sự chú ý, được đề cập trong bài diễn thuyết tại Đại học Harvard của Thủ tướng Ôn Gia Bảo vào tháng Mười Hai năm 2003, và được Hồ Cẩm Đào đề cập đến tại một buổi lễ kỉ niệm 110 năm ngày sinh của Mao Trạch Đông, cũng vào tháng Mười Hai năm 2003. Tuy nhiên, Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo đã thay đổi cụm từ "Trỗi dậy Hoà bình" bằng cụm từ "Phát triển Hoà bình" kể từ tháng Tư năm 2004. Chẳng hạn, trong một bài diễn thuyết tại Diễn đàn Bắc Ngao vào tháng Tư năm 2004, Hồ Cẩm Đào mô tả chính sách đối ngoại Trung Quốc bằng cách sử dụng thuật ngữ "Phát triển Hoà bình" thay vì "Trỗi dậy

---

<sup>35</sup>Gill and Huang, "Sources and Limits of Chinese 'Soft Power'," pp. 20–21.

Hoà bình”. Điều này dẫn tới quyết định của Chính phủ Trung Quốc rằng sẽ không sử dụng “Trỗi dậy Hoà bình” như một thuật ngữ chính thức.

Chất xúc tác cho thuyết Trỗi dậy Hoà bình chính là sự truyền bá của của nhiều lý thuyết bất lợi liên quan đến Trung Quốc, chẳng hạn như thuyết mối đe dọa Trung Quốc.<sup>36</sup> Tuy nhiên, nếu chỉ xem thuyết trỗi dậy hoà bình như một phản ứng đối với thuyết mối đe dọa Trung Quốc thôi thì quả là một sự giải thích rời rạc. Nếu Trung Quốc chỉ cần chống lại thuyết mối đe dọa Trung Quốc thì các thuyết về cơ hội Trung Quốc và sự đóng góp của Trung Quốc sẽ hỗ trợ hiệu quả hơn vì những lý thuyết này đã được kiểm chứng bởi những kết quả thực tế: Sự giao lưu kinh tế gia tăng giữa Trung Quốc và các quốc gia châu Á, đóng góp của Trung Quốc vào tăng trưởng kinh tế thế giới, và sự gia tăng ngoại thương và đầu tư kể từ thời kì mở cửa. Động cơ đằng sau thuyết Trỗi dậy Hoà bình quan trọng hơn nhiều so với những gì mà nó thể hiện bên ngoài. Lý do mà thuyết Trỗi dậy Hoà bình được đưa ra trong thời kì Hồ Cẩm Đào chính là ý định tuyên bố về sự bành trướng quyền lực quốc gia của Trung Quốc và sự trỗi dậy sắp tới của Trung Quốc trở thành một cường quốc toàn cầu, đồng thời nhằm đạt được sự chấp thuận từ các quốc gia châu Á láng giềng đối với tuyên bố này của Trung Quốc.

Về phương diện này, đề xuất của Trung Quốc về chính sự trỗi dậy của quốc gia này có một ý nghĩa rất quan trọng đối với chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Như một số học giả Trung Quốc đã lập luận, việc đưa ra thuyết trỗi dậy hoà bình ám chỉ sự chuyển đổi của chính sách đối ngoại Trung Quốc theo ba hướng. Thứ nhất, Trung Quốc chuyển đổi từ chính sách ngoại giao lấy Mỹ làm trung tâm sang ngoại giao lấy các nước láng giềng làm trung tâm; thứ hai, chuyển hướng từ những nhiệm vụ ngoại giao tập trung vào hoà nhập với cộng đồng thế giới sang mục tiêu thực hiện vai trò lãnh đạo và trách nhiệm toàn cầu; và thứ ba, chuyển từ chiến lược ngoại giao tập trung vào phát triển kinh tế sang sức mạnh tổng hợp quốc gia.<sup>37</sup> Nói một cách khác, thuyết trỗi dậy hoà bình là một tuyên bố tượng trưng cho việc chiến lược toàn cầu của Trung Quốc đã chuyển từ định hướng bên trong ra bên ngoài.<sup>38</sup> Theo đó, giờ đây thuyết trỗi dậy hoà bình phản ánh việc tiếp tục bành trướng về quyền lực quốc gia của Trung Quốc, sự thay đổi nhận thức về tình hình quốc gia và

<sup>36</sup> Peng Peng, ed., *Heping Jueqilun* [Peaceful rising theory] (Guangzhou: Guangdong ren-min chubanshe, 2005), p. 18; Men, *Goujian Zhongguo Dazhanlüede Kuangjia*, pp. 15–21; Jiang Xiyuan and Xia Liping, *Zhongguo Heping Jueqi* [Peaceful rise of China] (Beijing: Zhongguo shehuikexue chubanshe, 2004), p. 1.

<sup>37</sup> Yan and Sun, *Zhongguo Jueqi Jiqi Zhanlüe*, pp. 4–6.

<sup>38</sup> Men, *Goujian Zhongguo Dazhanlüede Kuangjia*, pp. 30, 203–04.

thế giới trong nội tại Trung Quốc, và một tham vọng lập nên một chính sách đối ngoại mới để tạo điều kiện cho Trung Quốc nổi lên như một cường quốc toàn cầu.<sup>39</sup>

Nội dung của thuyết trỗi dậy hoà bình tương đối đơn giản. Các lập luận đưa ra bởi Zheng Bijian – người khai sinh ra thuyết này – được trình bày như sau. Một là, mặc dù Trung Quốc đã đạt được sức tăng trưởng kinh tế nhanh chóng trong một thời gian ngắn, không ai có thể xem sự nổi dậy của Trung Quốc như một mối đe dọa vì trình độ phát triển kinh tế ban đầu của Trung Quốc quá thấp, và chính quyền phải đối mặt với việc đáp ứng cơm ăn áo mặc cho 1,3 tỉ dân. Những hạn chế trong nước này khiến Trung Quốc cần phải tập trung mọi nỗ lực giành cho sự phát triển của ít nhất là ba thế hệ kế tiếp. Hai là, Trung Quốc đang theo đuổi một chiến lược phát triển để phấn đấu tham gia vào toàn cầu hoá, chứ không phải là tách khỏi xu hướng này. Ba là, cùng lúc với việc tham gia vào toàn cầu hoá, Trung Quốc cũng theo đuổi những chiến lược phát triển độc lập mà không gây hại đến các quốc gia khác. Bốn là, sự phát triển của kinh tế Trung Quốc đóng góp vào sự phát triển kinh tế, thịnh vượng và ổn định của khu vực Châu Á.<sup>40</sup>

“*Con đường dẫn đến Hoà bình Phát triển của Trung Quốc*” – sách trắng được xuất bản bởi Phòng Thông tin Quốc Vụ Viện vào tháng Mười Hai năm 2005 đã giải thích về lý thuyết phát triển hoà bình. Đầu tiên, phát triển hoà bình là con đường chắc chắn nhất cho việc hiện đại hoá Trung Quốc. Hai là, Trung Quốc đạt được sự phát triển nhờ xây dựng nên một môi trường hoà bình toàn cầu và đóng góp vào nền hoà bình thế giới thông qua sự phát triển này. Ba là, Trung Quốc đạt được sự phát triển nhờ dựa vào chính khả năng của mình cùng với cải cách và đổi mới, cũng như thực hiện chính sách mở cửa. Bốn là, Trung Quốc thích ứng với các xu hướng của toàn cầu hoá và nỗ lực để xây dựng lợi ích chung và sự phát triển chung với các quốc gia khác. Năm là, Trung Quốc tuân thủ các nguyên tắc của hoà bình, phát triển và hợp tác, cũng như đấu tranh để xây dựng một thế giới hoà hợp với nền hoà bình bền vững và sự thịnh vượng chung.

Chúng ta có thể nhận thấy rằng có rất ít sự khác biệt giữa nội dung của thuyết trỗi dậy hoà bình và thuyết phát triển hoà bình, ngoại trừ việc thay đổi cách dùng các thuật ngữ. Bên cạnh việc thêm vào một khái niệm mới là “thế giới hoà hợp” và sử dụng nhiều hơn các từ ngữ cách điệu, thuyết phát triển hoà bình – trên tổng thể - chính là “anh em song sinh” của thuyết trỗi dậy hoà bình. Việc xem xét lại nội dung chứng tỏ rằng Trung Quốc đã không hoàn toàn từ bỏ những ý tưởng đã được nêu ra trong thuyết trỗi dậy hoà bình. Tất nhiên, động thái của việc thay

<sup>39</sup> Như trên, p. 210.

<sup>40</sup> Zheng Bijian, *Lun Zhongguo Heping Jueqi Fazhan Xindaolu* [Peaceful rise: China's new road to development] (Beijing: Zhonggong zhongyang dangxiao chubanshe, 2005), pp. 2–8.



đổi thuật ngữ, từ “trỗi dậy hoà bình” và “phát triển hoà bình” mang ý nghĩa quan trọng, vì việc thay đổi này chỉ ra quyết định của Trung Quốc trong việc chính thức hoãn lại tuyên bố của mình rằng quốc gia này sẽ trỗi dậy. Theo một học giả Trung Quốc, *trỗi dậy* chỉ ra một sự thay đổi trong cân bằng quyền lực giữa các quốc gia; còn *phát triển* thì không.<sup>41</sup> Nói một cách khác, *sự trỗi dậy* của Trung Quốc trong nền chính trị quốc tế báo hiệu cho sự suy yếu khả năng lãnh đạo của các siêu cường như Hoa Kỳ và Nhật Bản, trong khi *sự phát triển* của Trung Quốc hàm ý khả năng phát triển song song của Trung Quốc cùng với những siêu cường hiện nay.

Với việc tăng cường sức mạnh quốc gia, Trung Quốc đối mặt với những nhiệm vụ mới trong chính sách đối ngoại. Như nhiều học giả Trung Quốc đã nói, Trung Quốc phải loại bỏ được thuyết mối đe dọa Trung Quốc. Sau đó, quốc gia này cần thuyết phục các quốc gia láng giềng châu Á, để các quốc gia này chấp thuận sự trỗi dậy của Trung Quốc một cách tự nguyện. Cuối cùng, Trung Quốc cần đảm bảo tiếng nói của mình trên trường quốc tế bằng cách tham gia vào cộng đồng quốc tế như một quốc gia có trách nhiệm. Trong khi thuyết trỗi dậy hoà bình được đưa ra để đáp ứng những mục tiêu ngoại giao, Bắc Kinh gặp phải vấn đề cấp bách là làm thế nào để cộng đồng quốc tế hiểu rõ được chính sách mới và mang nhiều tính thách thức này. Kết quả là, thuyết phát triển hoà bình được chọn để thay thế thuyết trỗi dậy hoà bình, nhưng thực chất chỉ là “bình mới rượu cũ”. Việc thay đổi thuật ngữ đã phản ánh tình trạng thực tại của Trung Quốc: một mặt, Trung Quốc mong muốn thông báo về sự trỗi dậy mình và đạt được sự công nhận từ những quốc gia láng giềng; mặt khác, các nhà lãnh đạo Trung Quốc lại thận trọng với những phản ứng và hậu quả tiêu cực có thể đến từ những quốc gia khác nếu Trung Quốc tuyên bố về sự trỗi dậy của mình. Cho dù ra sao đi nữa, Trung Quốc sẽ cần trọng thực hiện chính sách đối ngoại của mình theo nguyên tắc của thuyết trỗi dậy hoà bình và sẽ tiếp tục củng cố vị thế của mình ở khu vực châu Á.

### ***Nền văn minh Trung Quốc***

Nguồn lực thứ ba của quyền lực mềm Trung Quốc chính là nền văn minh Trung Quốc, “công cụ” đã giúp Trung Quốc có được vai trò dẫn đầu trong việc tạo dựng nên một định nghĩa mới về cái được gọi là những giá trị Châu Á. Theo cách hiểu của những nhà chủ nghĩa kiến tạo về việc hình thành bản sắc chung, quá khứ lịch sử đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nên bản sắc hiện tại dưới hình thức một kiến tạo xã hội.<sup>42</sup> Chúng ta cần hiểu rằng nền văn minh Trung Quốc đã có

<sup>41</sup> Yan and Sun, *Zhongguo Jueqi Jiqi Zhanlue*, p. 212.

<sup>42</sup> Paris Yeros, “Introduction: On the Uses and Implications of Constructivism,” in *Ethnicity and*

lịch sử hàng ngàn năm và có khả năng tập hợp lợi ích và định hướng chung cho những người cùng chia sẻ di sản này, cũng như các quốc gia Châu Á khác chịu ảnh hưởng của nền văn minh Trung Quốc. Chỉ khi hiểu được những điều này, chúng ta mới có thể thực sự đánh giá được tầm quan trọng của nền văn minh Trung Quốc đối với quyền lực mềm của quốc gia này. Nói cách khác, lịch sử và nền văn minh Trung Quốc là những nguồn lực quan trọng, vì chúng có thể được xây dựng và tái tạo lại để giúp dựng nên một bản sắc và giá trị Châu Á "vô hình".

Ví dụ, nếu các quan chức Trung Quốc chọn một phân mảng lịch sử của Chiến tranh Nha phiến vào thế kỉ 19 (một phần lịch sử quan trọng của Trung Quốc) và tái dựng lại cuộc xung đột kéo dài này như một ký ức chung về các cuộc xâm lược của chủ nghĩa đế quốc phương Tây trong lịch sử châu Á, thì rất có khả năng nhiều người châu Á sẽ cùng chia sẻ những ký ức lịch sử này của Trung Quốc. Như vậy, bằng cách tận dụng lịch sử và di sản văn hoá của mình, Trung Quốc có thể tăng quyền lực mềm bằng cách tạo dựng những bản sắc và giá trị vô hình chung cho người dân Châu Á. Điều này là hoàn toàn có thể vì nền văn minh và lịch sử Trung Quốc đã không còn là đại diện của lịch sử một quốc gia duy nhất.

Theo nghĩa này, nền văn minh Trung Quốc, một trong những quốc gia cổ đại Châu Á (cùng với Ấn Độ), chính là "tài sản" lớn nhất của quyền lực mềm Trung Quốc. Trong số rất nhiều thuộc tính của nền văn minh Trung Quốc, Nho giáo là yếu tố cốt lõi, đại diện cho các giá trị và tầm nhìn của Trung Quốc theo một cách khác hẳn so với văn minh phương Tây. Những quốc gia Châu Á, đặc biệt ở Đông Á, đã quen thuộc với Nho giáo và các giá trị của Nho giáo - nguồn chứa đựng những giá trị phổ quát trong khu vực này, tương tự như Nhân quyền hoặc Dân chủ ở phương Tây.<sup>43</sup> Tất nhiên, chủ đề này không phải là mới. Đầu những năm 1990, những cuộc tranh luận về các giá trị được các học giả và nhà chính trị Châu Á khơi mào, vì họ cho rằng những giá trị và bản sắc của Châu Á hoàn toàn có thể sánh ngang với các giá trị và bản sắc Phương Tây. Tuy nhiên, với cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á

---

*Nationalism in Africa: Constructivist Reflections and Contemporary Politics*, ed. Paris Yeros (London: Macmillan, 1999), pp. 1–14; Anthony Buckley, "We're Trying to Find our Identity," in *History and Ethnicity*, eds. Elizabeth Tonkin, Maryon McDonald, and Malcolm Chapman (New York: Routledge, 1989), pp. 183–97. Những lập luận này được Hobsbawm làm rõ trước đây, khi ông đã chỉ ra sự thật rằng lịch sử (hay "truyền thống") luôn được tạo ra, chọn lọc và được dựng lên. Eric Hobsbawm, "Introduction," in *The Invention of Tradition*, eds. Eric Hobsbawm and Terence Ranger (Cambridge: Cambridge University Press, 1983), pp. 12–14.

<sup>43</sup> Với trường hợp của Hàn Quốc, xem bài của Chong-Min Park và Doh Chull Shin, "Do Asian Values Deter Popular Support for Democracy in South Korea?" *Asian Survey* 46:3 (May/June 2006), pp. 341–61.

năm 1997-1998 và đi kèm với nó là những lời chỉ trích về các giá trị Châu Á, những cuộc tranh luận này nhanh chóng mất đi tính thích hợp của mình.<sup>44</sup>

Tuy vậy, sự trỗi dậy của Trung Quốc, một lần nữa, đã giúp cho việc theo đuổi các giá trị châu Á dựa vào nền tảng của văn minh Trung Quốc là hoàn toàn có thể, ít nhất là ở các quốc gia Đông Á – nơi chịu sự ảnh hưởng của Nho giáo. Những giá trị này bao gồm: tầm quan trọng của gia đình trong vai trò là tâm điểm của sự hình thành cấu trúc xã hội; các mối quan tâm về phẩm chất và đạo đức; đề cao tập thể so với cá nhân; sự nhấn mạnh về tính thống nhất hoặc sự hoà hợp và trật tự, cũng như quan tâm đến sự tích cực trong lao động, tính tiết kiệm, và tầm quan trọng của giáo dục.<sup>45</sup> Các giá trị Châu Á của Trung Quốc dựa vào sự bành trướng nhanh chóng của nền kinh tế, tiếp bước hình mẫu của những lập luận về các giá trị Châu Á – thứ đã tạo nên một “phép màu” kinh tế ở khu vực Đông Á. Hơn thế nữa, nền văn minh Trung Quốc và các di sản lịch sử đã góp phần không nhỏ vào sự ủng hộ của Trung Quốc đối với các giá trị Châu Á.

Trong bối cảnh đó, cần chú ý đặc biệt đến sự nhấn mạnh gần đây của Trung Quốc đối với các giá trị của Nho giáo. Kể từ thời của Giang Trạch Dân, nhiều nỗ lực đã được thực hiện để thay thế các tư tưởng của chủ nghĩa xã hội và “hấp thu” Nho giáo trở thành một hệ tư tưởng thống trị ở Trung Quốc. Ví dụ, vào năm 2011, Trung Quốc đã ban hành “Đường lối thực hiện Đạo đức Quốc gia” (Guomin daode shishi gangyao), kết hợp các giá trị đạo đức của Nho giáo và chủ nghĩa tập thể xã hội chủ nghĩa. Những nỗ lực này còn được tăng cường nhiều hơn trong thời Hồ Cẩm Đào. Các nguyên lý cơ bản đã được rút ra từ tư tưởng dân chủ dựa trên Nho giáo (minben zhuyi – dân bản chủ nghĩa) và diễn giải lại bằng những thuật ngữ như “lấy dân làm gốc”, “gần dân”, “xã hội hoà hợp”, và một “quan điểm xã hội chủ nghĩa về danh dự và sự hổ thẹn”. Nho giáo đã trở thành một phần quan trọng của hệ tư tưởng thống trị.

Trung Quốc cũng đồng thời khuếch trương Nho giáo đến các tư tưởng ngoại giao. Những nguyên tắc ngoại giao như “chung sống hoà bình với các quốc gia láng giềng, đem thịnh vượng và an toàn đến cho các quốc gia đó” và “một thế giới hoà hợp” đều được lấy từ Nho giáo. Điều này không chỉ khác hẳn Chủ nghĩa Mác – Lênin, mà còn khác cả Chủ nghĩa Hiện thực và Chủ nghĩa Tự do trong chính trị quốc tế. Thông qua sự hệ thống hoá lớn hơn, Trung Quốc có kế hoạch tái thiết lập Nho giáo như một giá trị và tầm nhìn vốn có của quốc gia này. Trên thực tế, một số

<sup>44</sup> Để biết một bài phê bình ngắn về các giá trị Châu Á, xem bài của Donald K. Emmerson, “Singapore and the ‘Asian Values’ Debate,” *Journal of Democracy* 6:4 (October 1995), pp. 95–105; Mark R. Thompson, “Whatever Happened to ‘Asian Values?’” *ibid.*, 12:4 (October 2001), pp. 154–65.

<sup>45</sup> Park and Shin, “Do Asian Values Deter,” p. 343.

người có ảnh hưởng lớn đến quan điểm của Trung Quốc đã công khai tiết lộ chương trình nghị sự này. Bài viết của Zheng Bijian đăng trên *Nhân Dân Nhật báo* (People's Daily) là một trường hợp điển hình: trong bài viết này, ông đã kêu gọi phục hưng nền văn minh Trung Quốc.<sup>46</sup>

Hơn thế nữa, Trung Quốc đã phát triển một cách có hệ thống và toàn diện chính sách ngoại giao công chúng của mình. Một ví dụ điển hình là sự thành lập của Học viện Khổng Tử (Kongzi Xueyuan), một trung tâm văn hoá kiêm giảng dạy ngôn ngữ Trung Quốc được thiết kế để thúc đẩy ham muốn học tiếng Trung – điều vốn đã lan rộng trên toàn thế giới. Năm 2004, Trung Quốc thành lập Tiểu Nhóm Lãnh đạo phụ trách Giáo dục Ngôn ngữ Trung Quốc ở Nước ngoài thuộc Quốc Vụ Viện, với mục tiêu nhằm thành lập 100 Học viện Khổng Tử trên toàn thế giới. Kể từ khi Học viện Khổng Tử đầu tiên ra đời ở Seoul, Hàn Quốc vào tháng 11 năm 2004, đã có 140 Học viện Khổng tử được thành lập trên toàn thế giới cho tới tháng 3 năm 2007.<sup>47</sup> Thêm vào đó, Trung Quốc đã tài trợ cho các sự kiện văn hoá với quy mô lớn, bắt đầu tại Pháp vào năm 2004, và sau đó mở rộng đến Hoa Kỳ, Ý và Hà Lan vào năm 2005. Trung Quốc đang có kế hoạch tổ chức thêm nhiều sự kiện như vậy trong tương lai.<sup>48</sup>

## Kết luận

Trong thập niên vừa qua, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã lập kế hoạch và thực hiện từng phần một chiến lược quốc gia mới nhằm thúc đẩy Trung Quốc từ cường quốc khu vực trở thành cường quốc toàn cầu. Chiến lược đó bao gồm tăng cường sức mạnh mềm (ví dụ như văn hoá, các hệ tư tưởng và chính sách đối ngoại) cũng như sức mạnh cứng (ví dụ như sức mạnh kinh tế và quân sự). Trong quá trình này, Trung Quốc đã xem xét kĩ càng về việc làm thế nào để thiết lập các giá trị và tầm nhìn Trung Quốc, cái được gọi là các "lý niệm (lý tưởng, khái niệm) Trung Quốc"

---

<sup>46</sup> Zheng Bijian, "Zhongguo Heping Jueqi Jinchengzhong Mianlinzhe Sanda Tiaozhan" [Three challenges in the process of China's peaceful rise], *People's Daily*, April 10, 2006, <<http://politics.people.com.cn/GB/30178/4283438.html>>, truy cập April 11, 2006.

<sup>47</sup> Howard French, "Another Chinese Export Is All the Rage: China's Language," *New York Times*, January 11, 2006, <<http://www.nytimes.com/2006/01/11/international/asia/11china.html>>, accessed January 12, 2006; Si Wei, "Zhongguo Xu Cujin Zhenzhengde Minjian Ruan-quanli Jianshe" [China needs to promote true construction of civil soft power], *Chinese News Net*, March 22, 2006, <<http://www7.chinesenewsnet.com/gb/MainNews/SinoNews/Mainlan>>, accessed March 23, 2006; "Hanyu jiasu 'zouchuqu': Kongzi xueyuan jinnian jiangda 200suo" [Chinese language speeds up 'go abroad': Confucius Institute will become two hundred this year], *People's Daily*, March 20, 2007, <<http://culture.people.com.cn/GB/22219/5488352.html>>, truy cập April 10, 2007.

<sup>48</sup> Liu Huaxin, "Yici Chenggongde Wenhua Waijiao" [A successful cultural diplomacy], *Renminwang*, October 12, 2005, <<http://world.people.com.cn/GB/1030/3760842.html>>, truy cập October 13, 2005; Zhang and Huang, *2005 Zhongguo Guoji Diwei Baogao*, pp. 282–85.

(Zhongguo de linian) – vốn khác biệt so với phương Tây, và việc làm thế nào để phổ biến những lý niệm này đến khắp Châu Á và toàn thế giới.<sup>49</sup> Như đã đề cập ở trên, mô hình phát triển của Trung Quốc, thuyết Trỗi dậy Hoà bình và thuyết Phát triển Hoà bình, và việc theo đuổi bản sắc Châu Á dựa trên nền văn minh Trung Quốc đều là những yếu tố quan trọng đối với giá trị và tầm nhìn Trung Quốc.

Có nhiều trở ngại trên con đường tăng cường sức mạnh mềm của Trung Quốc. Như Gill và Huang lập luận, Trung Quốc phải đối mặt với những trở ngại nghiêm trọng như hệ thống chính trị chuyên chế của Đảng Cộng sản, tham nhũng chính trị rộng khắp, sự yếu kém trong ý thức về các quyền con người phổ quát, sự truyền bá của Thuyết mỗi đe dọa Trung Quốc, và sự nổi lên của Chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi của Trung Quốc. Vì những vấn đề nêu trên, chúng ta không thể kết luận một cách chính xác về mức độ tự nguyện của các quốc gia láng giềng trong việc chấp nhận sự trỗi dậy của Trung Quốc.

Tuy nhiên, chúng ta có thể kết luận một cách chắc chắn rằng Trung Quốc sẽ có những nỗ lực mạnh mẽ hơn để phát triển một hệ thống rõ ràng về các tư tưởng Trung Quốc nhằm sánh ngang so với phương Tây không những về mặt sức mạnh chính trị hay kinh tế, mà còn về mặt sức mạnh mềm. Trung Quốc sẽ hỗ trợ về mặt vật chất (cho những nỗ lực này – ND) để giữ vững vị trí dẫn đầu ở Châu Á và xuất hiện với vai trò một nhà lãnh đạo toàn cầu trong tương lai. Ví dụ cho những nỗ lực này bao gồm việc tăng cường ngoại giao với ASEAN và việc thành lập Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), cũng như việc giới thiệu khái niệm an ninh mới và theo đuổi tích cực các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thông qua ASEAN. Vì vậy, khi phân tích chính sách đối ngoại Trung Quốc, chúng ta cần chú ý nhiều hơn đến những nỗ lực của quốc gia này từ một góc nhìn khác, thay cho góc nhìn phổ biến về Trung Quốc tập trung vào sự tăng trưởng kinh tế và quân sự nhanh chóng của quốc gia này.

----

## **GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET***

### **Mục đích**

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### **Lý do ra đời**

---

<sup>49</sup> Yuan Peng, “Zhongguo Jueqizhihou Jiang Ruhe Zai Shijieshang Gei Ziji Dingwei” [How China takes position in the world after its rise], Renminwang, April 4, 2006, <<http://world.people.com.cn/GB/1030/4266797.html>>, truy cập April 5, 2006.



Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

### Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

### Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

### Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.
- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)

- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com).

### Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

### Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

### Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

### Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên cách trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

### Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

### Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com).